

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:** Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị La Thị G, sinh ngày 01/01/1982 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Tạ Văn R, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị La Thị G trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị La Thị G và anh Tạ Văn R kết hôn với nhau năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/12/2002. Vợ chồng chung sống lúc đầu rất là hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cự cãi và xung đột lẫn nhau, làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Tạ Văn R.

Về con chung: Có 03 người con tên Tạ Kim C, sinh ngày 24/6/2000, Tạ Ngọc D, sinh ngày 23/10/2002 và Tạ Văn R1, sinh ngày 06/3/2004, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tạ Văn R Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh R vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị La Thị G.

Tại phiên tòa hôm nay, chị La Thị G vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau: Chị yêu cầu ly hôn với anh Tạ Văn R, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị La Thị G xử cho chị La Thị G và anh Tạ Văn R được ly hôn.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị La Thị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị G thừa nhận không có và Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Tạ Văn R được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Tạ Văn R.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị La Thị G và anh Tạ Văn R kết hôn với nhau năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/12/2002 nên hôn nhân của chị Giúp và anh R là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi và xung đột với nhau, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị và gia đình cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị La Thị G xử cho chị La Thị G và anh Tạ Văn R ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị La Thị G và anh Tạ Văn R có 03 người con tên Tạ Kim C, sinh ngày 24/6/2000, Tạ Ngọc D, sinh ngày 23/10/2002 và Tạ Văn R1, sinh ngày 06/3/2004, hiện nay các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị La Thị G không yêu cầu giải quyết để tự thoả thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị La Thị G thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị La Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị La Thị G xử cho chị La Thị G và anh Tạ Văn R ly hôn.

2. Về con chung: Chị La Thị G và anh Tạ Văn R có 03 người con tên Tạ Kim C, sinh ngày 24/6/2000, Tạ Ngọc D, sinh ngày 23/10/2002 và Tạ Văn R1, sinh ngày

06/3/2004, hiện nay các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị La Thị G không yêu cầu giải quyết để tự thỏa thuận nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị La Thị G thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị La Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003518 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị G đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị G có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/4/2025). Đối với anh R vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

